TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ái Loan

Các Hội thẩm nhân dân: ông Dương Thanh Tuấn

Ông Thạch Khmau

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thái Thị Như T, sinh năm 1995 (vắng mặt).
Địa chỉ: Khóm C, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Peter N, sinh năm 1964 (vắng mặt).
Địa chỉ: H Buttefly L, TX 77469 USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thái Thị Như T trình bày:

Chị và anh Peter N tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã D vào ngày 10/12/2018. Do trong cuộc sống hai người thường bất hòa về quan điểm sống không thể dung hòa, tình trạng ngày càng trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài. Chị Thái Thị Như T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Peter N; về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai bị đơn anh Peter N trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày trong đơn khởi kiện của chị Thái Thị Như T, do bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn giữa hai người ngày càng nghiêm trọng.

Anh đồng ý ly hôn với chị Thái Thị Như T; về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không có, anh cũng thống nhất theo trình bày của chị T.

Do chị Thái Thị Như T và anh Peter N đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên vụ kiện đã được Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy anh Peter N và chị Thái Thị Như T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, nay chị Như T yêu cầu ly hôn và anh Peter N cũng có ý kiến đồng ý ly hôn, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Như T, cho chị Thái Thị Như T và anh Peter N ly hôn với nhau. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thẩm quyền: Chị Thái Thị Như T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Peter N, do anh N có nơi cư trú và làm việc tại Hoa Kỳ nên đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Thái Thị Như T và anh Peter N vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Thái Thị Như T và anh Peter N tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân thị xã D vào ngày 10/12/2018 nên theo quy định của pháp luật hôn nhân của chị Như T, anh Peter N là hợp pháp được công nhận. Thời gian chung sống giữa hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong công việc, cuộc sống. Mục đích hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc nhưng cuộc hôn nhân giữa chị Ý, anh Peter N không đạt được mục đích đó. Hiện nay hai người ở hai nước khác nhau, không liên lạc trao đổi nên việc hàn gắn tình cảm gia đình là không thể thực hiện được cả chị Ý, anh Peter N đều đồng ý ly hôn với nhau. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Như T, cho Thái Thị Như T và anh Peter N ly hôn với nhau.

[4] Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Chị Thái Thị Như T và anh Peter N đều khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn". Do đó, buộc chị Thái Thị Như T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị Như T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Thái Thị Như T được ly hôn với anh Peter N.

2. Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về án phí: Buộc chị Thái Thị Như T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0014845 ngày 14/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, chị Thái Thị Như T đã nộp đủ án phí.

Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TpHCM;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND thị xã Duyên Hải;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ái Loan